TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HS-ST
Ngày 27-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Anh Đào
Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Thành Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

- Phạm Văn Ch, sinh năm 1984; tại Trà Vinh. Nơi cư trú ấp NgB, xã AQH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12 dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1961; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị khởi tố ngày 21/4/2010 nhưng bỏ trốn và bị truy nã. Ngày 10/8/2019 bị cáo đầu thú và bị tạm giữ đến ngày 13/8/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Phạm Thị Huỳnh Nh, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Như Phạm thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Thạch Thị Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ ấp Phố, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh(có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Trầm Minh Nh, là Trợ giúp viên pháp lý chi nhánh số 1 huyện Trà Cú (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Bà Thạch Thị Đ1, sinh năm 1984. Địa chỉ ấp Phố, xã AQH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1961. Địa chỉ ấp NB, xã AQH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người làm chứng:*

Ông Lê Văn T, sinh năm 1966. Địa chỉ ấp NB, xã AQH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1988. Địa chỉ ấp Ch, xã AQH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1940. Địa chỉ ấp Ph, xã AQH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cáo trạng số 59/CT-VKS-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Phạm Văn Ch về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Hành vi bị cáo bị truy tố như sau:

Bị cáo Phạm Văn Ch và bà Thạch Thị Đ kết hôn năm 2006 và có một con chung, sau đó cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà Đ bỏ về sống với cha mẹ ruột, còn con chung do bị cáo Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do phải đi làm thuê, bị cáo Phạm Văn Ch nhờ em ruột là bà Phạm Thị Ng trông giữ con giúp bị cáo. Đến ngày 04/6/2009, bà Đ đến gặp Ng để đưa con về thì Ng không đồng ý dẫn đến hai bên cự cãi và đánh nhau. Sau đó, bà Đ gửi đơn đến ban nhân dân ấp NB, xã AQH, huyện TC yêu cầu giải quyết thì được ấp mời đến trụ sở ấp để hòa giải vào ngày 06/6/2009.

Vào khoảng 07 giờ ngày 06/6/2009, bị cáo Ch đến nhà cha mẹ vợ kêu bà Đ về sống chung, nhưng bà Đ không đồng ý, cả hai không có cự cãi gì, sau đó thì bị cáo Ch về nhà. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo Ch từ nhà định đi chợ AQ H để mua sữa cho con, khi đi ngang quán của mẹ ruột thuộc ấp NB, xã AQH, huyện TC thì bị cáo ghé vào và đi ra phía sau bếp lấy một cây dao Thái lan có cán bằng gỗ dài 08cm, lưỡi dao màu trắng dài 10cm, đầu lưỡi dao nhọn để gọt ổi ăn, sau đó bị cáo bỏ cây dao vào túi quần đi ra đường đanl về hướng chợ AQH để mua sữa. Khi vừa đi được một đoạn, lúc này khoảng 10 giờ cùng ngày thì bị cáo Ch gặp bà Đ đang đi từ hướng ấp Chợ đến ấp NB, xã AQH để tham gia hòa giải theo thơ mời của ấp. Lúc này, bị cáo Ch hỏi Đ đi đâu thì Đ nói đi công việc, Ch kêu Đ về ở với chồng, con nhưng Đ không nói gì mà bỏ đi. Thấy vậy, Ch đi phía sau lưng và nắm tay Đ thì Đ vung ra và tiếp tục bỏ đi, Ch tiếp tục đi tới choàng tay vào cổ Đ kéo ngược về sau làm Đ ngã ra sau, lưng Đ tựa vào chân của Ch, Đ la hét Ch tức giận nên lấy cây dao từ trong túi quần ra cầm bằng tay phải đưa lên đâm một cái trúng vào vùng bụng của Đ gây thương tích một vết dài 02cm cách rốn khoảng 05cm về phía trên.

Đâm bị hại xong, Ch cầm dao dọa đòi cắt cổ Đ thì Đ nắm được tay Ch, thấy dao có máu nên Đ vung ra, Ch bị đẩy thụt lùi rơi xuống ruộng cặp lề đường đanl. Lúc này, Ch dùng hai tay cầm dao tự đâm vào người mình một cái trúng vào vùng

bụng gây thương tích, Đ thấy sợ nên đã bỏ chạy, lên xe của ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1988, cư trú tại ấp Ch, xã AQH, huyện TC nhờ chở đi được một đoạn khoảng 20-30 mét, ông Chí thấy Đ bị thương nên cho Đ xuống xe và mọi người đưa đi cấp cứu. Sau đó, Đ và Ch bị ngất xỉu, cả hai được người thân đưa đi cấp cứu và điều trị.

Căn cứ vào bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số: 285/GĐPY-TT ngày 18/11/2009 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Thạch Thị Đ do thương tích gây nên tại thời điểm giám định (ngày 12/11/2009) là 40,6%.

Ngày 21/4/2010, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Văn Ch về tội Cố ý gây thương tích quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), đồng thời ra Lệnh bắt bị can để tạm giam phục vụ công tác điều tra nhưng Phạm Văn Ch đã bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 21/5/2010, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra Quyết định truy nã bị can. Đến ngày 21/7/2010, do hết thời hạn điều tra nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra đối với bị can Phạm Văn Ch. Đến ngày 10/8/2019, Phạm Văn Ch đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đầu thú.

Bị cáo Phạm Văn Ch thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích vào thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có hiệu lực nhưng đến thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực thì bị cáo mới đầu thú. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo bị khởi tố theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có khung hình phạt là từ 05 năm đến 15 năm tù, còn điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt là từ 05 năm đến 10 năm tù. Như vậy, việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có lợi cho bị cáo theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Ngày 04/8/2009 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đã lập biên bản thu giữ 01 (một) cây dao Thái Lan, cán bằng gỗ dài 08cm, lưỡi màu trắng dài 10cm, đầu lưỡi dao nhọn và sau đó được bảo quản theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: bị cáo và bị hại là vợ chồng nhưng không có mâu thuẫn gì trước, ngày 06/6/2009 do bị cáo kêu bị hại về chung sống bên gia đình bị cáo để nuôi con nhưng bị hại không đồng ý nên bị cáo có choàng tay cặp cổ bị hại, do bị hại la hét nên bị cáo có lấy cây dao Thái lan đem theo trong người lúc ghé nhà mẹ ruột bị cáo đâm bị hại gây thương tích. Sau khi vụ việc xảy ra bị cáo và bị hại ra tòa giải quyết ly hôn, Tòa án giao con cho bị hại nuôi, nhưng vì quá thương con nên bị cáo đem con đi lên Đà Lạt sinh sống từ năm 2009 không có về địa phương cũng không liên lạc với người thân và gia đình. Đến năm 2019 khi về quê thì được bà N mẹ ruột bi cáo cho biết là bị cáo đang bị truy nã nên bị cáo đến đầu thú với cơ quan Công an huyện Trà Cú.

Bị hại Thạch Thị Đ trình bày: giữa bị hại với bị cáo không có mâu thuẫn gì lớn, ngày 06/6/2009 khi bị hại đi đến chính quyền ấp để tham gia hòa giải vụ việc

đánh nhau giữa bị hại với bà Ng em bị cáo; trên đường đi bị hại có gặp bị cáo Ch thì bị cáo kêu bị hại về chung sống nhưng bị hại nói để giải quyết xong vụ đánh nhau giữa bị hại với bà Ng rồi tính thì ngây lúc đó bị cáo choàng tay vào cổ bị hại giật xuống với tư thế người bị hại nằm nghiêng nghiêng trên đùi bị cáo, bị hại có la hét để bị cáo buông tay ra thì bị cáo lấy dao đâm bị hại gây thương tích. Đối với chi phí điều trị, ngày công lao động, tiền người nuôi bệnh gia đình bị cáo đã khắc phục xong bị hại không yêu cầu gì thêm, đối tiền với tổn thất tinh thần bị hại đã được giải thích và biết có quyền yêu cầu nhưng bị hại không yêu cầu mà để khoản tiền đó cho bị cáo nuôi con chung của bị hại và bị cáo sau này. Bị hại không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì bị hại cho rằng bị cáo phải chịu trách nhiệm với những gì bị cáo gây ra.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Thạch Thị Đ1 trình bày: Trong thời gian bị hại nằm viện điều trị bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi bị hại thời gian 19 ngày. Thu nhập thực tế của bà lúc đó là 50.000 đồng/ngày với số tiền 950.000 đồng nhưng bị cáo đã bồi thường cho bị hại xong, trong đó có số tiền 950.000 đồng nói trên nên bà không yêu cầu gì thêm. Bà Đỗ Thị N xác nhận cây dao mà bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại là của bà, nhưng bà không có yêu cầu nhận lại đề nghị Tòa án xử lý tiêu hủy theo pháp luật quy định.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị với Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" và đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 6 năm tù.

- Về dân sự bị cáo đã bồi thường thiệt hại đầy đủ theo yêu cầu của bà Đ và bị hại cũng như bà Thạch Thị Đ không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý tịch thu tiêu hủy cây dao Thái lan đã thu giữ.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất nội dung cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Phạm Văn Ch về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là chính xác. Thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, người bào chữa cho rằng, bị cáo không gây khó khăn cho Cơ quan điều tra, bị cáo không bỏ trốn như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, vì khi xảy ra vụ án bị cáo không biết tình trạng tỷ lệ thương tích bị hại như thế nào cũng không biết mình đã bị khởi tố về hình sự. Sau khi ra tòa giải quyết ly hôn xong, vì bị cáo quá thương con, muốn dành quyền nuôi con nên đã đem con đi nơi khác sinh sống để bị hại không dành lại con được chứ không bỏ trốn. Sau khi biết mình bị truy nã, bị cáo cũng đã về đầu thú, bị cáo có người thân có công cách mạng, con của bị cáo sống với bị cáo gắn bó tình cha con trên mười năm nay; con của bị cáo có tâm thư gửi Hội đồng xét xử và rất tha thiết xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho cha của cháu để cha của cháu sớm sum họp gia đình mà lo cho cháu được học hành như bao đứa trẻ khác. Vì vậy, người bào chữa đề nghị áp dụng các điểm b, s, r, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự kéo giảm tuột khung cho bị cáo xuống còn 03 năm tù.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: thống nhất nội dung cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cho rằng, tội phạm bị cáo gây ra có tính chất rất nghiêm trọng, tính mạng sức khỏe của bị hại bị xâm phạm không gì có thể bù đắp lại được. Sau khi gây án bị cáo không hợp tác với cơ quan pháp luật mà bỏ trốn là thể hiện sự xem thường pháp luật, gây bức xúc trong dư luận và gia đình bị hại. Sau đó gần mười năm bị cáo mới về đầu thú. Giữa bị cáo và bị hại là vợ chồng, tuy có mâu thuẫn nhau trong cuộc sống nhưng cũng không có gì đến mức trầm trọng, vụ việc này bị cáo có nhiều sự lựa chọn để giải quyết, nhưng bị cáo đã chọn phương thức giải quyết mâu thuẫn gia đình bằng bạo lực và hung khí nguy hiểm, bị cáo gây tổn thương cho bị hại tỷ lệ đến 40,6%; bị cáo đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng. Hậu quả mà bị cáo gây ra bị hại sẽ bị ảnh hưởng sức khỏe đến nay chưa bình phục và mang di chứng suốt đời. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm minh đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn Ch không tự bào chữa và không tranh luận;

Kiểm sát viên tranh luận đối đáp với người bào chữa như sau:

Người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ "tự thú" theo quy định tại điểm r và tình tiết "người phạm tội là người có công với cách mạng" quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không cói căn cứ. Bởi vì, sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã bị khởi tố và bỏ trốn sau gần mười năm bị cáo mới quay về đầu thú nên bị cáo chỉ hưởng tình tiết giảm nhẹ đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với người có công với cách mạng thì luật quy định phải chính người phạm tội là người có công với cách mạng mới được hưởng tình tiết này, còn bị cáo có người thân là người có công nên chỉ hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đã đề nghị. Mặt dù bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử tuột khung hình phạt nhưng luật quy định "có thể" chứ không phải bắt buộc phải áp dụng và trường hợp của bị cáo Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự là bởi vì: bị cáo dùng hung khí gây thương tích vào vùng trọng yếu trên cơ thể bị hại là rất nguy hiểm, nếu bị hại không được cứu chữa kịp thời thì có thể ảnh hưởng đến tính mạng bị hại. Tội phạm mà bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, sau khi gây án bị cáo không thiện chí khắc phục hậu quả hành vi mình gây ra, bỏ mặc bị hại, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương gần năm mới về đầu thú điều đó đã gây bất bình cho bị hại và gây bức xúc trong dư luận. Hiện nay, tình hình trên địa bàn huyện Trà Cú loại tội phạm này xảy ra liên tục và có chiều hướng gia tăng, tính chất ngày càng manh động nên cần phải xứ lý nghiêm bị cáo và để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội tại địa phương.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về gia đình chăm lo cho con ăn học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, theo vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Phạm Văn Ch thực hiện hành vi cố ý gây thương tích vào thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có hiệu lực nhưng đến thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực thì bị cáo mới đầu thú. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo bị khởi tố theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có khung hình phạt là từ 05 năm đến 15 năm tù, còn điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt là từ 05 năm đến 10 năm tù. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để truy tố bị cáo là có lợi cho bị cáo theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

[2] Ngày 06/6/2009, tại ấp Ngã Ba, xã AQH, huyện TC, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng, bị cáo Phạm Văn Ch đã có hành vi dùng cây dao có lưỡi bằng kim loại, mũi nhọn là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng bụng của bà Thạch Thị Đ gây ra thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 40,6%. Lời khai nhận tội của bị cáo là hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các biên bản của hoạt động điều tra, vật chứng thu giữ được, phù hợp với kết luận giám định pháp y, biên bản lấy lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng. Như vậy, có đủ chứng cứ xác định thương tích trên người bị hại với tỷ lệ 40,6% do bị cáo gây ra là có thật. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cáo trạng số 59/CT-VKS-HS ngày 24/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Phạm Văn Ch về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng bụng của bà Thạch Thị Đ là vùng trọng yếu trên cơ thể sẽ gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khoẻ của bà Đ và có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của bà Đ nếu bị hại không được cấp cứu kịp thời. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, sau khi thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại thì bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương đã gây bất bình cho bị hại, gây bức xúc trong dư luận và gây mất an ninh, trật tự ở địa phương; động cơ, mục đích bị cáo gây thương tích cho bà Đ chỉ vì bực tức khi không thể khuyên bà Đ quay về chung sống cùng bị cáo; vụ án không có đồng phạm.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại toàn bộ số tiền theo yêu cầu là 28.016.000 đồng. Mặt dù, sau khi bị khởi tố bị cáo đã bỏ trốn nhưng đến ngày 10/8/2019 bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đầu thú, bị cáo có nhiều người thân là người có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Phần tranh luận, đối đáp đại diện Viện kiểm sát đã viện dẫn quy định tại các điểm r, x

khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cũng như các văn bản pháp luật hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này (điểm r, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự) và đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của bị cáo như trên nên không đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử tuột khung với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm tranh luận, đối đáp của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, người bào chữa đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm r, x khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự là không được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm; bà Thạch Thị Đ1 là người nuôi bị hại lúc nằm viện điều trị không có yêu cầu bồi thường nên không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) cây dao Thái Lan, cán bằng gỗ dài 08cm, lưỡi màu trắng dài 10cm, đầu lưỡi dao nhọn là của bà Đỗ Thị N, tại phiên tòa bà N không có yêu cầu nhận lại. Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[8] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn Ch phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt Phạm Văn Ch 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2019.

Việc bồi thường thiệt hại: bị hại với gia đình bị cáo đã tự thỏa thuận bồi thường và giao nhận số tiền 28.016.000 đồng xong. Bị hại Thạch Thị Đ và bà Thạch Thị Đ1 không có ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

Về vật chứng: Căn cứ các vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao Thái Lan, cán bằng gỗ dài 08cm, lưỡi màu trắng dài 10cm, đầu lưỡi dao nhọn.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Trà Cú;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Trà Cú;
- Cơ quan THAHSCA huyện Trà Cú;
- Nhà tạm giữ CA huyện Trà Cú;
- Lưu HSVA

Nguyễn Văn Truyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phước Thị Kim Huê- Diệp Chanh Tha Nguyễn Văn Truyền

.